TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-3-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Hùng

2. Bà Hồ Lệ Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp CS, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trình bày của bà Lê Thị N:*

Hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Minh D tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2015 tại UBND xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Bà N và ông D đã ly thân cách nay 04 năm, xét thấy hôn nhân không thể kéo dài nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông D.

Con chung: Bà N và ông D có một người con chung tên Nguyễn Nhật D, sinh ngày 15/01/2015 (giới tính nam) hiện do ông D nuôi dạy. Khi ly hôn, bà N tự nguyện để ông D tiếp tục nuôi dạy con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con, bà yêu cầu được

quyền thăm con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Minh D. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông D có nơi cư trú tại ấp Cây Sộp, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Minh D vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Minh D tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 10/11/2015 tại UBND xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Bà N và ông D đã ly thân cách nay 04 năm nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông D. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông D đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà N xác định vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa bà N và ông D không đạt được. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để bà N và ông D có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả, do ông D vắng mặt tại các phiên hòa giải, ông D không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà N cho thấy ông D không có thiện chí hòa giải đoàn tụ với bà N. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà N và ông D được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà N và ông D có một người con chung tên Nguyễn Nhật D, sinh ngày 15/01/2015 (giới tính nam) hiện do ông D nuôi dạy. Khi ly hôn, bà N tự nguyện để ông D tiếp tục nuôi dạy con chung, bà không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà yêu cầu được quyền thăm con theo quy định của pháp luật. Xét thấy con chung

là nam, hiện đang do ông D nuôi dạy, Tòa án đã thông báo thụ lý cho ông D nhưng ông D không có ý kiến phản hồi về vấn đề con chung đối với bà N, do đó cần chấp nhận ý kiến của bà N là để ông D tiếp tục nuôi dạy con chung, các đương sự không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, bà N được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

[5] Tài sản chung: Bà N xác định không có, ông D không có ý kiến gì về tài sản chung nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà N xác định vợ chồng không có nợ chung, ông D không có ý kiến gì về vấn đề nợ chung vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án không ai đặt ra yêu cầu xem xét về nợ chung của vợ chồng nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt ông Nguyễn Minh D.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc ly hôn đối với ông Nguyễn Minh D.

2.1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Minh D được ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật D, sinh ngày 15/01/2015 (giới tính nam) cho ông D tiếp tục nuôi dạy. Bà N và ông D không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Bà N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

2.3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 23 tháng 12 năm 2021, bà N có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0014648 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã HTK;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh